

YẾU TỐ GIÓ TRONG TRUYỆN NGẮN NGUYỄN NGỌC TƯ DƯỚI GÓC NHÌN TRI NHẬN

Tư Thị Mỹ Hạnh

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. HCM

Tóm tắt: Để tiếp cận truyện ngắn của tác giả Nguyễn Ngọc Tư dưới góc nhìn tri nhận, chúng tôi đã tiến hành khảo sát những ngữ liệu chứa ẩn dụ ý niệm GIÓ. Phương pháp nghiên cứu là thu thập, thống kê và phân tích ngữ liệu. Dưới góc độ miền nguồn ta có hai ẩn dụ: Tình yêu là ngọn gió, thời gian là hành trình của gió. Dưới góc độ miền đích ta có hai ẩn dụ: Gió là con người, gió là sự huỷ diệt. Những ẩn dụ này được hình thành từ những đặc trưng văn hóa Nam Bộ cộng hưởng cùng những ý niệm từ trải nghiệm cá nhân. Việc khảo sát giúp chỉ ra những ẩn dụ ý niệm về gió sẽ góp phần tiếp cận tác phẩm dưới góc nhìn tri nhận.

Từ khóa: ẩn dụ tri nhận, gió, Nguyễn Ngọc Tư

THE ELEMENT OF WIND IN NGUYEN NGOC TU'S SHORT STORIES: A COGNITIVE PERSPECTIVE

Tu Thi My Hanh

University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University, Ho Chi Minh City

Abstract: To approach Nguyen Ngoc Tu's short stories from a cognitive perspective, we conducted a survey of linguistic data containing the conceptual metaphor of wind. Our research methodology involved collecting, compiling, and analyzing data. From the source domain perspective, we identified two metaphors: Love is the wind and time is the journey of the wind. From the target domain perspective, two additional metaphors emerged: Wind is a human and wind is destruction. These metaphors are shaped by the cultural characteristics of Southern Vietnam, combined with conceptualizations derived from personal experiences. This study highlights how conceptual metaphors of wind contribute to a cognitive approach to literary interpretation.

Key words: metaphor cognitive, wind, Nguyen Ngoc Tu

Nhận bài: 05/01/2025

Phản biện: 22/01/2025

Duyệt đăng: 24/01/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Công trình *Metaphors we live by* (Lakoff & Johnson, 1980) mở ra nhiều hướng nghiên cứu mới cho ngôn ngữ học tri nhận. Quá trình tri nhận dựa trên kinh nghiệm của con người với thế giới, cách thức con người tri giác cũng như ý niệm hóa thế giới. Ẩn dụ ý niệm về bản chất là một cơ chế tri nhận gồm một miền nguồn và một miền đích. Theo Lakoff và Johnson (1980), ẩn dụ ý niệm là sự chuyển dịch hay ánh xạ cấu trúc và các quan hệ nội tại của một lĩnh vực tri nhận nguồn sang một lĩnh vực tri nhận đích. Miền nguồn: cụ thể, hữu hình, vật chất, dễ hình dung, nhiều trải nghiệm, ánh xạ qua miền đích. Miền đích: trừu tượng, vô hình, phi vật chất, khó hình dung, ít trải nghiệm. Ẩn dụ ý niệm có tính phổ quát, tuy nhiên ở những dân tộc khác nhau, thời điểm khác nhau sẽ chịu ảnh hưởng bởi những yếu tố văn hoá khác nhau.

Ngữ liệu được dùng cho bài viết được trích từ 24 truyện ngắn trong 7 tập truyện của Nguyễn Ngọc Tư: *Ngọn đèn không tắt* (2000), *Giao thừa* (2003), *Cánh đồng bất tận* (2005), *Truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư* (2005), *Gió lẻ và 9 câu chuyện khác* (2008), *Khói trời lơ lửng* (2010), *Đảo* (2014). Để tiến hành nghiên cứu, chúng tôi khảo sát những biểu thức ngữ liệu chứa ý niệm gió. Sau

đó, khái quát các miền ý niệm, phát hiện những ánh xạ được chọn lọc thể hiện qua các biểu thức ngôn ngữ. Việc khảo sát vừa giúp chỉ ra những ẩn dụ ý niệm về gió vừa góp phần tiếp cận tác phẩm dưới góc nhìn đặc trưng văn hoá. Các sáng tác Nguyễn Ngọc Tư hầu hết viết về con người và quê hương Nam Bộ. Trong đó, yếu tố gió trong các truyện ngắn được khảo sát được được ý niệm với những miền nguồn và miền đích khác nhau.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Đặc điểm ý niệm GIÓ trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư

Truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư kể về cuộc sống con người ở Nam Bộ. Ngoài việc khắc họa chân dung của con người, tác giả còn miêu tả các yếu tố khí hậu như một phần không thể thiếu trong cuộc sống của con người Nam Bộ. Mùa mưa ở khu vực Nam Bộ gần như trùng với mùa gió mùa vào mùa hè, còn gọi là gió mùa tây nam. Gió bắc còn gọi là gió chướng, thổi từ hướng đông nam, là gió nghịch mùa nên gọi là gió chướng. Gió có vai trò đặc biệt trong đời sống người dân, đặc biệt là những người nông dân. Các mùa gió không chỉ có giá trị trong đời sống mà còn mang dấu ấn thiên nhiên, thời tiết trong tâm thức mỗi người.

2.2. Gió dưới góc độ miền nguồn

2.2.1. Tình yêu là ngọn gió

Ẩn dụ tình yêu là ngọn gió xét về các giai đoạn, gió mùa chia làm ba giai đoạn: bộc phát, duy trì và suy yếu. Tình yêu cũng có ba giai đoạn: hình thành, phát triển và đến đích. Tình yêu hay gió đều có sự khởi đầu nhẹ nhàng rồi mạnh dần, lớn dần, tình yêu hay ngọn gió đều trải qua giai đoạn phát triển và đi đến đoạn kết. Ở gió, cái kết có thể là tan biến hoặc phát triển thành bão.

Xét về các tính chất, gió có sự mạnh mẽ, sự mềm yếu; gió thổi từng luồng nhẹ nhẹ hoặc đôi khi dữ dội. Tình yêu cũng đôi khi cương quyết đôi khi mềm yếu. Vậy, dù xét ở bình diện giai đoạn hay về các tính chất ta cũng có thể thấy giữa đặc tính từ miền nguồn GIÓ phóng chiếu sang miền đích TÌNH YÊU một cách hợp lý.

“rồi làm như một cơn gió từ đâu xộc tới, tìm đi riết lại một nỗi đau” (Lữ mùa – Giao thừa, tr.104)

Gió giành ngọn dữ dội và sự tranh giành trong tình yêu cũng không kém. Tình yêu cũng như vậy, tranh giành, chiếm hữu, dù được hay không được thì trong lòng cũng có sự tổn thương. Gió mùa và gió chướng mang đặc điểm đối lập nhau, thổi theo các hướng khác nhau, xuất hiện ở hai thời điểm khác nhau tương trưng cho những cảm xúc chông chéo nhau.

“Khi trời trở gió Nam, mùa mưa kéo theo một bầy sấm chớp ập tới” (Thổ Sầu – Gió lẻ, tr.92)

“Gió giành ngọn dữ dội... Nam chưa đi mà chướng đã tới thổi cheo heo” (Chuồn chuồn đập nước – Gió lẻ, tr.20)

Gió có chu kỳ tùy theo vùng địa lý. Mỗi mùa gió sẽ có những đặc tính riêng. Tình yêu thì không có chu kỳ, nhưng khi đến với mỗi người sẽ có những cảm xúc riêng.

Xét về những cảm xúc trong tình yêu có những nét tương đồng khi miêu tả đặc điểm, tính chất của ngọn gió. Điều này tạo nên một tiểu ẩn dụ hệ thống: Cảm xúc (trong tình yêu) là cơn gió. Khi gió nhẹ nhàng, gió lặng thì cảm xúc tình cảm cũng bình yên; khi gió dữ dội, gió ào ạt thì cảm xúc con người cũng dữ dội. Trong tình yêu có những cảm giác khó định nghĩa được rõ ràng, nhưng nó được miêu tả bằng trạng thái của những cơn gió khiến chúng ta cảm nhận được sinh động hơn.

“Tôi nghe rất rõ gió cuộn thành lộn, lăn miết trên da mình” (Lý con sáo sang sông - Ngọn đèn không tắt, tr.76)

“gió chạy nghe thổng thổng trong lòng” (Huế lầy chông – Cánh đồng bất tận, tr.38)

“Diệp tự vấn mình câu đó, khi có được câu trả lời, chợt nghe gió thổi tới bờ vào lòng” (Nước chảy mây trôi – Truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư, tr.138)

Gió lạnh, gió thốc, gió thông thổng, gió thổi tới bờ,... miêu tả cảm xúc của con người. Tác giả không xem gió là một thực thể của thiên nhiên mà

ý niệm những mùa gió mang những cung bậc cảm xúc khác nhau của con người trong tình yêu. Từ những mùa gió, cách nhận diện những mùa gió và cách đón đợi những mùa gió của những con người Nam Bộ, tác giả đã xây dựng thành hệ thống cảm xúc vui, buồn, nhớ nhung của con người.

“Mỗi lần gió về lại cảm giác mình mất một cái gì đó không rõ ràng, không giải thích được” (Hiu hiu gió bắc – Cánh đồng bất tận, tr.26)

“một bữa gió buồn thiệt buồn” (Một trái tim khô – Cánh đồng bất tận, tr.153)

“Anh cũng là bão vậy, thêm cơn bão nữa nghen” (Một chuyện hên hò – Gió lẻ, tr.117)

Ẩn dụ ý niệm Tình yêu là ngọn gió được hình thành dựa trên sự trải nghiệm của tác giả được tích lũy qua thời gian; nó còn được tạo nên từ bối cảnh miền sông nước Tây Nam Bộ, nơi mà nông nghiệp chủ yếu dựa vào thiên nhiên và chưa có sự cải tạo thiên nhiên sâu sắc.

2.2.2. Thời gian là hành trình của gió

Ẩn dụ ý niệm này có 11/68 ngữ liệu (chiếm 16,17%). Người dân Nam Bộ thuần nông không cần đến lịch hay dự báo thời tiết, họ chỉ cần lắng nghe và quan sát những ngọn gió cũng có thể biết được thời tiết. Mùa gió chướng mang đến sự nóng ẩm, mang theo sự rít rạt của hơi biển thổi vào. Mùa gió mùa lại mang một hơi hướng khác. Nam Bộ là vùng có hệ thống sông ngòi kênh rạch chằng chịt, văn hoá sông nước phong phú. Nên việc quan sát các yếu tố sông nước, gió mây để phục vụ đời sống và nông nghiệp và đời sống tự nhiên vô cùng cần thiết.

Trong ý niệm về gió, tác giả Nguyễn Ngọc Tư tính thời gian đơn thuần như chu kì của gió mà xem thời gian như hành trình của gió. Chu kì có tính lặp lại, còn gió trong tác phẩm Nguyễn Ngọc Tư không có tính lặp lại, mỗi mùa gió vì gắn với những câu chuyện, con người khác nhau nên mỗi năm gió sẽ có hành trình khác nhau.

“Gió nhiều, rất nhiều ngọn mò côi, lẻ loi liu riu chạy qua” (Lữ mùa – Truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư, tr.29)

“Chị cũng sinh con San cũng ngay mùa này, gió này” (Lâm má đâu có dễ - Giao thừa, tr.90)

Mỗi lần gió về gợi lại trong lòng mỗi người những ký ức và những câu chuyện khác nhau. Con người nơi đây không lấy trăng, lấy sao, lấy thời gian cụ thể để là mốc sự kiện đời người. Họ dùng gió, mùa gió, mùa nước lên, đoạn sông để làm mốc sự kiện trong cuộc đời.

Tác giả dùng những ánh xạ từ gió để dùng miêu tả quy luật thời gian. Vậy nên cách tính thời gian, nhận biết thời gian của những con người nơi đây cũng trở nên đặc biệt khi họ dựa vào yếu tố gió:

“Gió chường trở ngọn, trên cánh đồng ủ ê tin buồn”
(**Cánh đồng bất tận** – Cánh đồng bất tận, tr.196)

“gió bầy đi rồi gió lẻ tới, mỗi mùa gió có một tiếng nói riêng, nên âm thanh chung quanh em lúc nào cũng thanh thoả và trong trẻo” (**Gió lẻ** - Gió lẻ, tr.150)

Gió về, trở gió, gió non, gió già... đã trở thành mốc thời gian cho mọi việc. Con người không căn cứ vào ngày tháng mà thay vào đó căn cứ vào mùa gió để ghi nhớ các sự việc. Từ yếu tố gió, tác giả gọi tên, gắn thêm các đặc điểm rất riêng để dùng miêu tả thời gian.

“Bắc về” (**Lý con sáo sang sông** - Ngọn đèn không tắt, tr.70)

“Nghe gió này là đến mùa cười” (**Lý con sáo sang sông** - Ngọn đèn không tắt, tr.70)

Như vậy, con người tri nhận thời gian không

Bảng 4. Biểu thị ánh xạ của ẩn dụ ý niệm gió là con người

Miền đích: Gió	Miền nguồn: Con người
Quá trình: sinh ra, lớn lên, mất đi	Quá trình: sinh ra, lớn lên, mất đi
Cách vận động của gió	Tính cách của con người: dịu dàng, cá tính, tình nghịch

Ở ẩn dụ ý niệm này, tác giả không tập trung lựa chọn ánh xạ miêu tả sự hình thành và phát triển của con người tương đồng với gió. Chủ yếu tác giả miêu tả trạng thái của gió: gió lẻ, gió bầy, gió mồ côi, gió cúi đầu,... và dùng những đặc điểm miêu tả tính cách con người để miêu tả gió.

“Chắc tại gió dịu dàng quá, nên có cảm giác gòn gòn buồn, có cảm giác như gió mồ côi, cúi đầu hiu hắt giữa đời” (**Hiu hiu gió bắc** - Cánh đồng bất tận,, tr.26)

Ngọn gió mồ côi, cúi đầu hiu hắt giữa đời, gọi lên hình ảnh một người lầm lũi, một mình, không tình yêu, không có sự yêu thương giữa cuộc đời. Một loạt các ánh xạ có chọn lọc miêu tả miền đích gió được ánh xạ từ miền nguồn con người.

Từ ẩn dụ gió là con người, ta có thể tiếp cận cách gọi gió bầy, gió lẻ của tác giả. Gió bầy tượng trưng cho tình yêu có đôi có cặp, hoặc là một nhóm không tách rời. Gió lẻ lại là một cá thể đơn độc giữa cuộc đời. Dù gió bầy được hiểu như nhiều luồng gió thổi cùng một lúc, gió lẻ chỉ duy nhất một luồng nhưng chính gió lẻ lại khiến con người ta cô đơn, lạnh giá nhất.

“vài ngọn gió cô độc đã nghênh ngang đi qua rẫy” (**Gió lẻ** - Gió lẻ, tr.133)

Số phận cô đơn, con người mồ côi, con người vô định thường xuyên xuất hiện trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư. Trong *Gió lẻ* người con gái cũng không rõ tên mình là gì, cô gái ở rẫy bắt thì tên Lạc, trên những nẻo đường lại tên Cam, khi khác lại tên Lam. Họ vô định, lẻ loi, như ngọn gió lẻ. Nhân vật của Nguyễn Ngọc Tư đều là những

chỉ quan ngày tháng mà còn nhìn vào sự xuất hiện của gió. Thông qua cách xuất hiện: sớm hơn, muộn hơn, đột ngột, mạnh, yếu,... để phán đoán về điều kiện thiên nhiên cho thời điểm đó. Đối với người dân Nam Bộ, sự ý niệm về gió không chỉ mang đến giá trị đời sống vật chất mà còn là in sâu vào dấu ấn tinh thần.

2.2. Gió dưới góc độ miền đích

2.2.1. Gió là con người

Loại ẩn dụ ý niệm này khảo sát thấy 24/68 (chiếm 35,28%). Đây được xem như một ẩn dụ bản thể mở rộng. Dưới ngòi bút của Nguyễn Ngọc Tư, gió đi vào văn học rất tự nhiên và chân thật. Những ngọn gió mồ côi được xem là những con người cô đơn. Gió được tác giả gọi theo cảm giác cô đơn, tro trọi của con người.

mảnh đời có số phận lênh đênh. Hình tượng ngọn gió mồ côi vì vậy cũng được tìm thấy ở nhiều truyện ngắn: Hiu hiu gió bắc (*Cánh đồng bất tận*), Vết chim trời (*Gió lẻ*), *Gió lẻ* (*Gió lẻ*),... như một đặc điểm riêng trong văn chương của tác giả.

Trong ý niệm của tác giả Nguyễn Ngọc Tư, gió còn biểu trưng cho cảm xúc. Gió mùa khác nhau, thổi khác nhau sẽ miêu tả cho những cảm xúc khác nhau. Có những ngọn gió mát lạnh, có những ngọn gió mang theo hơi nóng, hơi lạnh...; tình yêu cũng vậy, có những người yêu nhau mang đến niềm vui, niềm hạnh phúc, nơi nương tựa, nỗi đau khổ, bất hạnh,... Mỗi ngọn gió đều khác nhau, và mỗi tình yêu/người yêu cụ thể cũng không giống nhau.

“gió bầy đi rồi gió lẻ tới, mỗi mùa gió có một tiếng nói riêng, nên âm thanh chung quanh em lúc nào cũng thanh thoả và trong trẻo” (**Gió lẻ** - Gió lẻ, tr.150)

Những đặc điểm của con người được tác giả sử dụng miêu tả đặc điểm của gió, từ gió bầy, gió lẻ để miêu tả số lượng/lượng gió đến việc miêu tả cảm xúc của gió. Có thể nói, gió mang dấu ấn đặc biệt trong văn Nguyễn Ngọc Tư. Gió không còn là một thực thể tự nhiên đơn thuần mà được xem là biểu tượng gắn liền với đời sống con người, mang những nét đặc trưng của con người Nam Bộ thông qua ý niệm hoá của tác giả.

2.2.2. Gió là sự hủy diệt

Gió chường là tên gọi địa phương của bà con nông dân ở Nam Bộ đối với gió mùa đông bắc có hướng lệch Đông và gió tín phong. Sự xâm

nhập mặn là một trong những yếu tố gây trở ngại lớn đến sản xuất nông nghiệp, thủy sản và ngay cả sinh hoạt của nhân dân. Chính sự trở ngại và tổn thất này khiến người dân nơi đây gọi gió mùa Đông Bắc là gió chướng.

Như vậy những ánh xạ từ miền nguồn sự huỷ diệt được ánh xạ qua miền đích GIÓ một cách chọn lọc theo cách riêng của tác giả. Không giống như những tác giả khác ý niệm về gió, sự ý niệm gió trong tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư là thường xuyên trong tất cả các tác phẩm. Gió mang đến nguồn sống cho người dân, nhất là người dân làm nông nghiệp. Gió cũng mang đến sự lo sợ, hoang mang, nhất là người có đời sống lênh đênh trên ghe.

“gió xé qua song cửa” (Mưa qua trắng gió – Tập truyện Đảo, tr.88)

“mấy lần đang ngủ gió giở mái nhà quăng xuống kinh” (Mưa qua trắng gió – Tập truyện Đảo, tr.89)

Tác giả sử dụng các động từ tác động mạnh: xé, giở, thổi, càn cào,... tác động mạnh đến đối tượng. Gió khiến mọi thứ tan hoang, xé toang mọi thứ. Gió được tác giả ý niệm như một thực thể mang sức mạnh to lớn có thể phá hết mọi thứ. Đây là nỗi ám ảnh với tất cả những người dân Nam Bộ, để thốt lên lời chửi bới bằng phương ngữ Nam Bộ “con gió mắc dịch”.

“bây giờ bỏ rừng, bỏ biển, bỏ cả những cơn gió Đông càn cào mắc dịch này thiệt không đành...” (Duyên phận so le – Cánh đồng bất tận, tr.135)

Dưới góc nhìn tri nhận, yếu tố gió hiện lên không còn là một hiện tượng thời tiết, thực thể tự nhiên. Gió được thể hiện theo ý niệm riêng của tác giả. Đó là biểu trưng cho ý niệm của cả một vùng văn hoá sông nước Nam Bộ, vừa thể hiện lãng kính trải nghiệm cá nhân của tác giả Nguyễn Ngọc Tư.

2.3. Đặc trưng văn hoá Nam Bộ

Ẩn dụ ý niệm được hình thành trên sự trải nghiệm của tác giả. Sự trải nghiệm này phải dựa trên lãng kính khách quan một nền văn hoá cụ thể và lãng kính chủ quan của chủ thể trải nghiệm.

Vậy nên, bốn ẩn dụ ý niệm về gió được khảo sát phải dựa trên ý niệm của tác giả về một nền văn hoá đã ăn sâu và tiềm thức. Ẩn dụ văn hoá Nam Bộ được thể hiện sâu sắc qua ý niệm về sông nước trong tiềm thức của mỗi người dân nơi đây. Trước hết, đó là việc hình thành không gian văn hoá sông nước qua việc họ di chuyển, sinh sống trên ghe, thuyền. Điều này tạo nên hệ sinh thái rất đặc trưng. Họ quan sát các yếu tố tự nhiên không chỉ phục vụ cho nông nghiệp mà còn phục vụ cho đời sống lênh đênh của mình. Chính cách sống tự do, di chuyển này hình thành tính cách phóng khoáng, ghét sự ràng buộc của hầu hết người dân Tây Nam Bộ. Vì vậy trong hầu hết các tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư nói chung luôn tồn tại ẩn dụ thời gian là hành trình của gió, tình yêu là ngọn gió, gió là con người, gió là sự huỷ diệt. Gió là biểu trưng cho sự tự do, phóng khoáng, được thể hiện ở nhiều ngữ cảnh khác nhau. Điều này tạo nên nét riêng trong tác phẩm Nguyễn Ngọc Tư.

III. KẾT LUẬN

Ở đây, yếu tố GIÓ trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư đã được tác giả tư duy thành nhiều ẩn dụ với những miền nguồn và miền đích tương ứng. Từ góc độ miền nguồn ta có ẩn dụ: Tình yêu là ngọn gió, thời gian là hành trình của gió, từ góc độ miền đích ta có ẩn dụ: Gió là con người, gió là sự huỷ diệt. Tùy theo cách dùng của tác giả mà có sự phóng chiếu thích hợp qua lại giữa những miền này. Từ các ẩn dụ ý niệm trên ta nhận thấy yếu tố GIÓ xuất hiện trong đời sống người dân Nam Bộ không chỉ đơn thuần là một yếu tố tự nhiên, mà nó còn in sâu vào tiềm thức con người. Với cách nói chân thành nhưng mộc mạc, đậm chất Nam Bộ, khiến những cảm xúc của nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư tuy thô nhưng thật. Tác giả dùng nhiều phương ngữ xen lẫn trong văn phong văn học khiến truyện ngắn của tác giả gần gũi thêm với bạn đọc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Thị Châu. (2008). *Phương ngữ học tiếng Việt*. NXB ĐHQG HN
2. Lý Toàn Thắng. (1994). *Ngôn ngữ và sự tri nhận không gian*. Tạp chí Ngôn ngữ. 4. tr1- 9.
3. Kövecses, Z. (2000), *Metaphors and Emotion*, Cambridge University Press, Cambridge.
4. Kövecses, Z. (2010), *Metaphor: A Practical Introduction*, 2nd Edition, Oxford University Press, New York.
5. Lakoff, G. & Johnson, M. (1980), *Metaphors We Live by*. The University of Chicago. The United States of America.
6. Pragglejaz Group (2007), *MIP: A method for identifying metaphorically used words in discourse*, *Metaphor and Symbol*, Lawrence Erlbaum Associates. 22(1), 1-39.
7. Steen, G.J. et al. (2010b), *A Method for Linguistics Metaphor Identification: From MIP to MIPVU*, John Benjamins Publishing Company, Amsterdam and Philadelphia.
8. Trần Ngọc Thêm. (1997). *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. NXB GD.Tp Hồ Chí Minh